

## BỘ TÀI CHÍNH

### BỘ TÀI CHÍNH

Số: 109/2005/TT-BTC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2005*

### THÔNG TƯ

#### **Hướng dẫn một số nội dung về tài chính trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước**

Thực hiện Nghị định số 80/2005/NĐ-CP ngày 22/6/2005 của Chính phủ về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước (sau đây gọi là Nghị định 80/2005/NĐ-CP),

Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính trong giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước như sau:

**I. Đối tượng và điều kiện áp dụng về giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty nhà nước** (sau đây gọi là công ty): theo quy định tại Điều 2, Điều 4 Nghị định 80/2005/NĐ-CP.

**II. Chi phí thực tế, hợp lý và cần thiết cho việc tổ chức giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty:** theo Điều 7 Nghị định 80/2005/NĐ-CP bao gồm:

1. Chi phí giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty: là các khoản chi phí liên quan đến giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty từ thời điểm

quyết định giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê đến thời điểm thực hiện xong việc bàn giao công ty cho bên nhận giao, nhận mua, nhận khoán, nhận thuê.

Trong đó bao gồm:

- Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản;
- Chi phí lập phương án giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty;
- Chi phí tổ chức đại hội công ty để triển khai giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty;
- Chi phí hoạt động tuyên truyền, quảng cáo, công khai thông tin;
- Chi phí tổ chức đấu giá, đấu thầu;
- Chi phí thuê kiểm toán, tư vấn xác định giá trị công ty (nếu có);
- Chi phí cho Ban đổi mới tại công ty;
- Các chi phí khác liên quan đến giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty.

Mức chi phí được xác định theo giá trị công ty trên sổ kế toán nhưng tối đa không vượt quá 50 triệu đồng đối với công ty có giá trị dưới 1 tỷ đồng; 100 triệu đồng đối với công ty có giá trị từ 1 đến 5 tỷ đồng; 150 triệu đồng đối với công ty có giá trị từ trên 5 đến 10 tỷ đồng và 200 triệu đồng đối với công ty có giá trị trên 10 tỷ đồng. Đối với công ty có quy mô lớn, phức tạp, chi phí cần thiết cho việc giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê vượt mức khống chế tối đa; cơ quan quyết định giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty chủ động xem xét, quyết định mức và chịu trách nhiệm về quyết định của mình, đồng thời có văn bản thông báo cho Bộ Tài chính.

Tổng giám đốc hoặc giám đốc công ty quyết định nội dung và mức chi cần thiết trong phạm vi mức khống chế tối đa để tổ chức triển khai giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê công ty và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi này.

**2. Chi phí giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê được đảm bảo bằng các nguồn sau:**

- Chi phí giao công ty được trừ vào giá trị vốn nhà nước tại công ty; trường hợp không còn vốn nhà nước thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính (nếu giao công ty nhà nước độc lập) hoặc được hỗ trợ từ nguồn vốn của Tổng công ty (nếu giao công ty thành viên hạch toán độc lập)

- Chi phí bán công ty hoặc bộ phận

công ty (sau đây gọi là bán công ty) được trừ vào tiền thu được do bán công ty; nếu không đủ thì phần chênh lệch thiếu được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Bộ Tài chính (nếu là công ty nhà nước độc lập) hoặc từ nguồn vốn của Tổng công ty (nếu là đơn vị phụ thuộc, công ty thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty), từ nguồn vốn của công ty (nếu là đơn vị phụ thuộc của công ty nhà nước).

- Chi phí khoán kinh doanh được tính vào chi phí hoạt động thường xuyên của công ty nhận khoán.

- Chi phí cho thuê công ty được trừ vào tiền thu được do cho thuê công ty.

**3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí đối với trường hợp giao, bán công ty:**

- Công văn đề nghị hỗ trợ kinh phí có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quyết định giao, bán công ty. Nội dung công văn bao gồm tổng số tiền thu được chi phí giao, bán công ty, số tiền còn thiếu đề nghị hỗ trợ;

- Quyết định giao, bán công ty của cấp có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

- Hợp đồng giao, bán công ty (bản sao có công chứng);

- Biên bản xác định giá trị công ty (bản sao có công chứng);

- Bản kê chi tiết chi phí giao, bán công ty (có thẩm định của cơ quan có thẩm quyền quyết định giao, bán công ty).

### III. Giao công ty cho tập thể người lao động:

1. Ban đổi mới tại công ty tiến hành kiểm kê, phân loại tài sản và xử lý tài chính khi giao công ty theo quy định tại Điều 11 Nghị định 80/2005/NĐ-CP, trong đó:

a) Kiểm kê xác định số lượng, chất lượng và giá trị tài sản công ty đang quản lý và sử dụng; kiểm quỹ tiền mặt, đối chiếu số dư tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư dài hạn, ngắn hạn tại thời điểm kiểm kê.

Phân loại tài sản đã kiểm kê theo các nhóm sau:

- Tài sản thuộc sở hữu của công ty, trong đó tài sản mang đi góp vốn liên doanh.

- Tài sản nhận góp vốn liên doanh, tài sản thuê ngoài, thuê tài chính, tài sản mượn, giữ hộ, nhận gia công, nhận bán hộ và các tài sản khác không phải của công ty.

- Tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có).

b) Kiểm kê chi tiết từng khoản nợ trên sổ kế toán, đối chiếu, xác nhận và phân loại các khoản công nợ, lập bảng kê chi tiết đối với từng loại công nợ theo quy định sau:

- Nợ phải thu: phân định rõ nợ có khả năng thu hồi và nợ không có khả năng thu hồi. Rà soát các hợp đồng kinh tế để xác định các khoản đã trả trước cho người

cung cấp hàng hóa dịch vụ nếu đã hạch toán hết vào chi phí kinh doanh như: tiền thuê nhà, tiền thuê đất, tiền mua hàng, tiền mua bảo hiểm dài hạn, tiền lương, tiền công, công ty điều chỉnh hạch toán giảm chi phí tương ứng với phần dịch vụ chưa được cung cấp hoặc thời gian thuê chưa thực hiện hoặc hàng hóa, nguyên vật liệu chưa sử dụng vào kinh doanh và hạch toán tăng chi phí trả trước.

- Nợ phải trả: phân tích rõ các khoản nợ phải trả, nợ không phải thanh toán.

Nợ không phải thanh toán là khoản nợ mà chủ nợ không còn tồn tại (doanh nghiệp đã giải thể, phá sản, chủ nợ đã chết) hoặc chủ nợ không đến đối chiếu đòi nợ mặc dù đã quá hạn.

c) Xử lý tài sản:

Đối với tài sản thiếu, hao hụt, mất mát phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường theo quy định của pháp luật. Giám đốc công ty quyết định mức bồi thường. Đối với tài sản hao hụt, mất mát có mua bảo hiểm phải làm việc với cơ quan bảo hiểm để xác định mức bồi thường. Khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản thiếu hụt và số tiền bồi thường được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính, nếu không đủ hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty.

Đối với giá trị tài sản thừa nếu không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu thì hạch toán tăng vốn nhà nước tại công ty.

d) Xử lý nợ phải thu:

Đối với nợ phải thu không có khả năng thu hồi xử lý theo quy định hiện hành. Trường hợp đến thời điểm giao mà chưa xử lý được nếu bên nhận giao đồng ý tiếp nhận thì tính vào giá trị tài sản bàn giao; nếu bên nhận giao không tiếp nhận thì loại khỏi giá trị công ty và chuyển giao cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

e) Xử lý nợ phải trả:

- Đối với nợ phải trả nhưng không phải trả hạch toán tăng vốn nhà nước tại công ty.

- Đối với các khoản nợ thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước được xử lý như sau:

+ Trường hợp bị lỗ, không thanh toán được thì công ty lập hồ sơ đề nghị giãn nợ, hoặc xóa nợ theo mức tối đa bằng số lỗ lũy kế đến thời điểm xác định giá trị công ty theo pháp luật hiện hành.

+ Công ty có đủ điều kiện được xóa nợ và đã làm thủ tục, nộp Hồ sơ đề nghị xóa nợ, nhưng đến thời điểm quyết định giao công ty cho người lao động vẫn chưa nhận được quyết định xóa nợ của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan quyết định giao công ty xem xét cho tạm trừ nợ, giảm lỗ để xác định giá trị công ty.

Công ty có trách nhiệm tiếp tục phối hợp với cơ quan tài chính để xử lý. Khi có quyết định xử lý của Bộ Tài chính, nếu có chênh lệch so với số đã tạm giảm trừ nợ công ty hạch toán điều chỉnh báo

cáo tài chính ở thời điểm chính thức bàn giao.

- Đối với các khoản nợ tồn đọng vay ngân hàng thương mại nhà nước và Quỹ hỗ trợ phát triển mà công ty đang bị lỗ, không thanh toán được các khoản nợ quá hạn, công ty làm thủ tục đề nghị khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với khoản nợ lãi vay chưa thanh toán (bao gồm cả lãi đã nhập gốc) được ngân hàng thương mại nhà nước, Quỹ hỗ trợ phát triển xem xét, xóa nợ với mức không vượt quá số lỗ còn lại (sau khi đã xử lý nợ tồn đọng về thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước). Trong thời gian tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của công ty, ngân hàng thương mại cho vay và Quỹ hỗ trợ phát triển phải có ý kiến xử lý bằng văn bản thông báo cho công ty. Sau 20 ngày kể từ ngày ngân hàng thương mại và quỹ hỗ trợ phát triển nhận được hồ sơ mà vẫn chưa có ý kiến xử lý của bên cho vay, công ty được tạm loại khoản nợ lãi vay khỏi tổng giá trị nợ phải trả và hạch toán tăng thu nhập tương ứng. Khi có quyết định xóa nợ, nếu có chênh lệch so với số đã tạm loại khỏi tổng giá trị nợ phải trả, công ty hạch toán điều chỉnh báo cáo tài chính tại thời điểm bàn giao.

2. Xác định giá trị công ty được giao: căn cứ Phương án xác định giá trị công ty do Giám đốc và Ban đổi mới tại công ty lập, Giám đốc công ty tổ chức xác định giá trị công ty:

a) Đối với công ty nhà nước thuộc danh mục giao công ty trong Phương án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt:

Căn cứ sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, báo cáo kết quả kiểm kê tại thời điểm giao; tổ chức thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp theo nguyên tắc tất cả các tài sản của công ty khi thực hiện giao đều tính bằng giá trị và bằng đồng Việt Nam. Trong đó:

- Tài sản hiện vật: là giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán.

- Tài sản bằng tiền gồm tiền mặt, tiền gửi và các giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu...) của công ty được xác định theo biên bản kiểm quỹ (đối với tiền mặt), số dư đã đối chiếu với ngân hàng (đối với tiền gửi) và các giấy tờ có giá xác định theo mệnh giá của giấy tờ.

- Các khoản nợ phải thu có khả năng thu hồi, các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn, các khoản đầu tư được xác định theo số dư thực tế trên sổ kế toán đã được đối chiếu xác nhận.

- Các khoản chi phí dở dang (đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh dở dang) được xác định theo thực tế phát sinh hạch toán trên sổ kế toán.

- Giá trị tài sản vô hình (nếu có) được xác định theo giá trị còn lại đang hạch toán trên sổ kế toán. Riêng giá trị quyền sử dụng đất được xác định theo quy định tại khoản 2, Điều 23 Nghị định 80/2005/NĐ-CP. Trong đó, nếu bên nhận giao lựa

chọn hình thức giao đất thì giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị công ty, nhưng không tính tăng vốn nhà nước mà hạch toán tăng nợ phải trả ngân sách nhà nước.

Giá trị của công ty để giao không bao gồm giá trị tài sản thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết, nhận giữ hộ, bán hộ, ký gửi; tài sản được hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi; tài sản là nhà ở cán bộ, công nhân viên (chuyển giao cho cơ quan quản lý nhà đất địa phương); các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi mà bên nhận giao không tiếp nhận.

Giá giao công ty được xác định trên cơ sở phần còn lại của giá trị phần vốn Nhà nước tại công ty sau khi trừ chi phí giao doanh nghiệp. Trong đó giá trị phần vốn nhà nước tại công ty bằng giá trị của công ty trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả, số dư Quỹ phúc lợi, khen thưởng và số dư kinh phí sự nghiệp (nếu có). Trường hợp sau khi xác định, nếu công ty không còn vốn nhà nước mà bên nhận giao vẫn đề nghị nhận giao thì bên nhận giao phải có phương án cam kết kế thừa nợ, lỗ và phương án trả nợ vay phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh. Trường hợp bên nhận giao không nhận giao thì chuyển sang hình thức bán hoặc phá sản công ty.

b) Đối với công ty thuộc danh mục cổ phần hóa, đã tiến hành các bước công việc cổ phần hóa nhưng không đủ điều kiện để cổ phần hóa được: chuyển sang hình thức giao công ty thì căn cứ vào giá

trị doanh nghiệp đã được xác định khi thực hiện cổ phần hóa để giao theo quy định tại Thông tư này.

**3. Bàn giao và tiếp nhận công ty theo quy định tại Điều 12 Nghị định 80/2005/NĐ-CP. Trong đó:**

a) Căn cứ hợp đồng giao nhận công ty, bên giao (Giám đốc công ty, kế toán trưởng và đại diện Ban đổi mới tại công ty) phải bàn giao đầy đủ, nguyên trạng tài sản, vốn, công nợ, quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, các quyền và nghĩa vụ khác cho bên nhận giao (đại diện tập thể người lao động) kèm theo hồ sơ, chứng từ có liên quan.

b) Trong thời gian chưa bàn giao, công ty giao có trách nhiệm quản lý toàn bộ tài sản, tiền vốn của công ty, không để hư hỏng, hao hụt, mất mát. Giám đốc và các cá nhân liên quan của công ty giao chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hao hụt, mất mát tài sản, tiền vốn trong thời gian chưa bàn giao.

c) Việc giao nhận phải lập biên bản có đầy đủ chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng, đại diện Ban đổi mới tại công ty của công ty giao và đại diện tập thể người lao động nhận giao.

Mọi vấn đề tồn tại chưa xử lý trước khi bàn giao phải ghi rõ tại biên bản bàn giao.

**4. Quyền sở hữu đối với công ty sau khi giao:**

Toàn bộ tài sản của công ty sau khi

giao thuộc sở hữu tập thể người lao động. Người lao động trong công ty tham gia nhận giao được giao quyền sở hữu tương ứng với số cổ phần được chia từ phần vốn nhà nước tại thời điểm giao hoặc phần vốn góp tương ứng với số năm làm việc cho khu vực nhà nước, được hưởng cổ tức, có quyền để thừa kế nhưng không được chuyển nhượng số cổ phần được giao trong thời hạn 3 năm sau khi giao công ty.

#### **IV. Bán công ty nhà nước:**

**1. Kiểm kê, phân loại và xử lý tài sản và tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định 80/2005/NĐ-CP, trong đó:**

a) Đối với tài sản thiếu, hao hụt, mất mát phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm tập thể, cá nhân để xử lý bồi thường theo quy định của pháp luật. Giám đốc công ty quyết định mức bồi thường. Đối với tài sản hao hụt, mất mát có mua bảo hiểm phải làm việc với cơ quan bảo hiểm để xác định mức bồi thường. Khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản thiếu hụt và số tiền bồi thường được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính, nếu không đủ hạch toán vào kết quả kinh doanh của công ty.

Đối với giá trị tài sản thừa nếu không xác định được nguyên nhân và không tìm được chủ sở hữu thì hạch toán vào vốn nhà nước tại công ty.

b) Xử lý nợ phải trả thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 1, mục III Thông tư này.

c) Đối với nợ cán bộ công nhân viên, công ty có trách nhiệm thanh toán dứt điểm trước khi bàn giao cho người mua để đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Trường hợp công ty thiếu nguồn thanh toán thì được hỗ trợ phần chênh lệch thiếu từ số tiền thu được do bán doanh nghiệp.

**2. Xác định giá tối thiểu theo quy định tại Điều 23 Nghị định 80/2005/NĐ-CP, trong đó:**

a) Đối với tài sản là hiện vật: chỉ đánh giá lại những tài sản mà công ty có thể tiếp tục sử dụng.

- Giá trị thực tế tài sản bằng (=) giá tính theo giá thị trường tại thời điểm bán nhân (x) tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản tại thời điểm định giá.

Trường hợp tài sản đặc thù không có trên thị trường thì tính theo giá mua mới của tài sản cùng loại, cùng nước sản xuất, có cùng công suất hoặc tính năng tương đương, nếu không có tài sản tương đương thì tính theo giá tài sản ghi trên sổ kế toán.

Tỷ lệ chất lượng còn lại của tài sản được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa chất lượng còn lại của tài sản được đánh giá lại so với chất lượng của tài sản cùng loại mua sắm mới hoặc đầu tư xây dựng mới, phù hợp với các quy định của nhà nước về các điều kiện an toàn trong sử dụng, vận hành tài sản; chất lượng sản phẩm sản xuất; vệ sinh môi trường theo hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành kinh tế kỹ thuật. Nếu chưa có

quy định của Nhà nước thì chất lượng tài sản được đánh giá không thấp hơn 20%.

- Tài sản cố định đã khấu hao thu hồi đủ vốn; công cụ lao động, dụng cụ quản lý đã phân bổ hết giá trị vào chi phí kinh doanh nhưng công ty vẫn tiếp tục sử dụng phải đánh giá lại để tính vào giá trị công ty như quy định trên.

b) Tài sản bằng tiền gồm tiền mặt, tiền gửi và các giấy tờ có giá (tín phiếu, trái phiếu...) của công ty được xác định theo biên bản kiểm quỹ (đối với tiền mặt), số dư đã đối chiếu với ngân hàng (đối với tiền gửi) và các giấy tờ có giá được xác định theo giá giao dịch trên thị trường, nếu không có giao dịch thì xác định theo mệnh giá của giấy tờ.

c) Các khoản nợ phải thu có khả năng thu hồi, các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn và dài hạn được xác định theo số dư thực tế trên sổ kế toán đã được đối chiếu xác nhận.

d) Các khoản đầu tư xác định theo giá trị vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp có vốn đầu tư của công ty (nếu doanh nghiệp này có lãi). Trường hợp doanh nghiệp bị lỗ thì tính theo giá trị trên sổ kế toán của công ty.

đ) Các khoản chi phí dở dang (đầu tư xây dựng cơ bản, sản xuất kinh doanh dở dang) được xác định theo thực tế phát sinh hạch toán trên sổ kế toán.

e) Giá trị tài sản vô hình (nếu có) được xác định theo giá trị còn lại đang hạch toán trên sổ kế toán. Riêng giá trị quyền

sử dụng đất được xác định theo quy định tại khoản 2, Điều 23 Nghị định 80/2005/NĐ-CP.

g) Tổng giá trị thực tế của công ty là giá trị thực tế toàn bộ tài sản hiện có của công ty tại thời điểm xác định giá trị.

h) Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại công ty bằng tổng giá trị thực tế của công ty trừ (-) các khoản nợ thực tế phải trả, số dư bằng tiền quỹ phúc lợi, khen thưởng, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có), giá trị tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi, khen thưởng (trường hợp người mua không tiếp tục dùng vào sản xuất kinh doanh và công ty đã hạch toán giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi và tăng vốn nhà nước).

i) Giá tối thiểu bán công ty được xác định như sau:

- Trường hợp bán không kế thừa nợ giá tối thiểu được xác định là giá trị thực tế của công ty trừ đi số dư bằng tiền quỹ phúc lợi, khen thưởng, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp (nếu có), giá trị tài sản phúc lợi, công cộng (trường hợp người mua không có nhu cầu sử dụng và công ty đã hạch toán giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi và tăng vốn nhà nước).

- Trường hợp bán có kế thừa nợ giá tối thiểu được xác định là giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại công ty. Nếu giá trị thực tế phần vốn nhà nước âm (nhỏ hơn không) mà người mua chấp nhận mua thì giá tối thiểu được xác định bằng không, nếu người mua không chấp nhận

mua thì chuyển sang hình thức phá sản công ty.

k) Đối với công ty thuộc danh mục cổ phần hóa, đã tiến hành các bước công việc cổ phần hóa nhưng không đủ điều kiện để cổ phần hóa được: chuyển sang hình thức bán công ty thì giá trị công ty bán được lấy theo giá trị công ty được xác định khi thực hiện cổ phần hóa và được điều chỉnh giảm trừ giá trị tài sản mà người mua không mua vào giá trị công ty đã được xác định.

**3. Quản lý sử dụng số tiền bán công ty:** thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 80/2005/NĐ-CP.

**4. Bàn giao và tiếp nhận:** thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 19, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 80/2005/NĐ-CP và các quy định tại điểm b điểm c khoản 3 Mục III Thông tư này.

## V. Khoản kinh doanh công ty:

**1. Kiểm kê, phân loại thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1, mục III Thông tư này. Trong đó:**

Đối với tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, tài sản đi thuê; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của công ty: bên nhận khoán và chủ sở hữu tài sản thỏa thuận việc người nhận khoán có kế thừa hoặc không kế thừa.

**2. Nội dung, các chỉ tiêu và điều kiện khoán kinh doanh theo quy định tại Điều 31 Nghị định 80/2005/NĐ-CP, trong đó:**



a) Bảo toàn vốn nhà nước: bên giao khoán phải có trách nhiệm bảo toàn vốn đã được Nhà nước giao vốn. Bên nhận khoán có trách nhiệm bảo toàn vốn đã nhận theo hợp đồng giao nhận khoán. Việc bảo toàn vốn nhà nước phải đảm bảo thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính, kế toán theo quy định của nhà nước, lập dự phòng rủi ro, mua bảo hiểm tài sản...

b) Bên giao khoán cần quy định cụ thể các điều kiện về việc thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh và việc kế thừa các hợp đồng đã ký trước đây của bên giao khoán bao gồm: các hợp đồng mua bán vật tư nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, các khoản nợ phải thu, phải trả và phải được sự thỏa thuận với bên nhận khoán để ký kết trong hợp đồng giao nhận khoán. Bên nhận khoán cam kết tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại hợp đồng giao nhận khoán kinh doanh và không trái với các quy định của pháp luật hiện hành.

c) Hai bên giao nhận khoán thỏa thuận mức lợi nhuận (hoặc lỗ) khoán hàng năm. Mức khoán lợi nhuận có thể ổn định cho suốt thời gian hợp đồng giao khoán hoặc có thể được xác định cụ thể cho từng năm. Mức khoán lợi nhuận không được thấp hơn mức lợi nhuận bình quân mà doanh nghiệp đã đạt được trong 3 năm trước khi giao khoán. Những công ty trước khi giao khoán kinh doanh bị

thua lỗ kéo dài thì giao khoán mức giảm lỗ, điều kiện và thời gian chấm dứt lỗ, nhưng phải đảm bảo mức giảm lỗ năm sau lớn hơn năm trước. Sau thời gian lỗ là thời gian khoán mức lợi nhuận đạt được hàng năm như quy định nói trên.

Những nội dung nói trên về khoán kinh doanh, các điều kiện khoán, quyền và trách nhiệm cụ thể các bên đều được ghi trong hợp đồng và phải được trao đổi thỏa thuận giữa bên nhận khoán và bên giao khoán kinh doanh.

**3. Bàn giao và tiếp nhận:** bên giao khoán và bên nhận khoán thực hiện theo quy định tại khoản 3, mục III Thông tư này.

#### 4. Thanh lý hợp đồng giao khoán:

Khi hết thời hạn khoán kinh doanh, các bên giao khoán và nhận khoán phải làm thủ tục thanh lý hợp đồng theo các điều khoản ghi trong hợp đồng.

Trước khi thanh lý hợp đồng, bên nhận khoán phải chủ trì với sự tham gia, giám sát của các bên trong thực hiện việc kiểm kê, xác định số lượng và giá trị tài sản, các khoản thanh toán giữa bên giao khoán và nhận khoán.

Nguyên tắc xử lý khi thanh lý hợp đồng.

- Căn cứ vào các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Căn cứ vào các văn bản, chứng từ thỏa thuận giữa bên giao khoán và bên nhận khoán về việc xử lý tài sản trong

quá trình hoạt động như nhượng bán, thanh lý, đầu tư bổ sung....

- Căn cứ vào kết quả kiểm kê trước khi bàn giao công ty.

Các khoản chênh lệch thừa thiếu, chênh lệch về giá trị (do thay đổi kết cấu, chất lượng tài sản như đã cam kết khi giao khoán) cần được xử lý trên cơ sở hợp đồng và theo các chế độ tài chính hiện hành.

- Trường hợp có thiệt hại, hư hỏng, mất mát tài sản do các nguyên nhân khách quan như thiên tai, địch họa trong quá trình hoạt động của công ty khoán thì sẽ được xem xét không đặt vấn đề bồi thường mà giảm trừ vào giá trị công ty hoàn trả.

- Các vấn đề tranh chấp hai bên không thể tự xử lý thì đưa ra tòa án phán xử.

**5. Quyền và nghĩa vụ của người nhận khoán thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định 80/2005/NĐ-CP, trong đó:**

a) Bên nhận khoán kinh doanh được quyền đầu tư bổ sung hoàn thiện đổi mới công nghệ từ nguồn vốn riêng của mình hoặc vốn huy động (vay ngân hàng và các nguồn huy động khác).

Những tài sản này thuộc quyền sở hữu của bên nhận khoán và được quyền rút về khi thanh lý hợp đồng. Trường hợp đầu tư thêm làm thay đổi kết cấu tài sản, bên nhận khoán phải được bên khoán chấp thuận bằng văn bản.

b) Bên nhận khoán được hưởng và tự

quyết định việc phân phối các thu nhập do vượt định mức khoán theo quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định 80/2005/NĐ-CP. Trường hợp công ty giảm lỗ so với mức lỗ khoán thì số giảm lỗ được coi như lợi nhuận vượt khoán và được ghi nhận, đến khi công ty có lãi sẽ được xác định tăng mức lợi nhuận vượt khoán tương ứng và được sử dụng như quy định trên.

## VI. Cho thuê công ty:

**1. Kiểm kê, phân loại và xử lý tài sản và tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 39, 40 Nghị định 80/2005/NĐ-CP, trong đó:**

a) Kiểm kê, phân loại tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 mục III Thông tư này.

b) Xử lý tài sản, tài chính của công ty khi cho thuê thực hiện theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Riêng đối với tài sản mang đi góp vốn liên doanh hoặc nhận góp vốn liên doanh; tài sản thuê ngoài, tài sản đi thuê; tài sản mượn, giữ hộ và các tài sản khác không phải của công ty: bên thuê và chủ sở hữu thỏa thuận việc thuê có kế thừa hoặc không kế thừa.

**2. Xác định giá cho thuê công ty: thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định 80/2005/NĐ-CP.**

**3.** Bàn giao và tiếp nhận: bên cho thuê và bên nhận thuê căn cứ hợp đồng thuê thực hiện bàn giao và tiếp nhận theo quy định tại khoản 3, mục III Thông tư này.

**4.** Quản lý sử dụng số tiền cho thuê công ty: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 80/2005/NĐ-CP.

### **VII. Tổ chức thực hiện:**

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 47/2000/TT-BTC ngày 24/5/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề về tài chính trong giao, bán doanh nghiệp nhà nước; Thông

tư số 51/2000/TT-BTC ngày 02/6/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề về tài chính trong khoán kinh doanh, cho thuê doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Nghị định số 103/1999/NĐ-CP ngày 10/9/1999 của Chính phủ. Các quy định khác trái với Thông tư này thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, khó khăn đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Thị Băng Tâm**